

10. TƯƠNG ƯNG DẠ-XOA (YAKKHASAMYUTTA)

I. KINH INDAKA (*Indakasutta*) (S. I. 206)

235. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), núi Inda, tại trú xứ của dạ-xoa Indaka.

Rồi dạ-xoa Indaka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ với Thế Tôn:

Chư Phật, Ngài dạy rằng:
Sắc không phải sinh mạng,
Vậy sao sinh mạng này,
Lại có trong thân này?

Từ đâu xương thịt đến,
Trong thân thể hiện tại?
Làm sao sinh mạng này,
Gá dính trong thai tạng?

[Thế Tôn:]

Trước tiên kalala,
Rồi từ kalala,
Abbuda có mặt;
Rồi từ abbuda,
Pesī (thịt mềm) được sanh ra.
Pesī sanh ghana (thịt cứng),
Rồi đến pasākha (chi tiết),
Tóc, lông và các móng,
Tiếp tục được sanh ra.

Những gì người mẹ ăn,
Đồ ăn, đồ uống nào,
Con người trong bụng mẹ,
Ở đây, lấy nuôi dưỡng.

II. KINH SAKKA (*Sakkanāmasutta*) (S. I. 206)

236. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi dạ-xoa tên Sakka đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Thật không tốt lành gì,
 Một Sa-môn như Ngài,
 Đã đoạn mọi triền phược,
 Đã sống chơn giải thoát,
 Lại tiếp tục giảng dạy,
 Những kẻ khác tu học.

[Thế Tôn:]

Này dạ-xoa Sakka,
 Dầu vì lý do gì,
 Loài người sống chung nhau,
 Không một lý do nào,
 Xứng đáng bậc trí tuệ.
 Với lòng từ lân mẫn,
 Nếu với tâm tín thành,
 Giảng dạy những người khác.
 Do vậy không hệ lụy,
 Vì lòng từ lân mẫn.

III. KINH SŪCILOMA (*Sūcilomasutta*) (S. I. 207)

237. Một thời, Thế Tôn ở Gayā, trên hòn đá Taṅkita, tại trú xứ của dạ-xoa Sūciloma.

Lúc bấy giờ, dạ-xoa Khara và dạ-xoa Sūciloma¹ đi ngang qua, không xa Thế Tôn bao nhiêu.

Rồi dạ-xoa Khara nói với dạ-xoa Sūciloma:

– Đây là một Sa-môn.

– Đây không phải Sa-môn. Đây là Sa-môn giả, hay ít nhất cho đến khi ta biết được Sa-môn hay Sa-môn giả.

Rồi dạ-xoa Sūciloma đi đến Thế Tôn; sau khi đến, liền nghiêng thân về phía Thế Tôn.

Thế Tôn liền tránh né thân của mình.

Dạ-xoa Sūciloma nói với Thế Tôn:

– Có phải Sa-môn sợ ta?

– Này Hiền giả, Ta không sợ ông. Nhưng xúc chạm với ông là điều tồi tệ (*pāpaka*).

– Này Sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

– Này Hiền giả, ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với

¹ Theo *Chú giải*, dạ-xoa Sūciloma có lông như mũi kim, lông dựng ngược và há miệng rất dễ sợ, còn dạ-xoa Khara có vảy như vảy cá sấu.

chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người, Ta không thấy một ai có thể làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân Ta, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như ông muốn.

[Dạ-xoa:]

Tham dục và sân hận,
Do nhân gì sanh khởi?
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đâu sanh?
Từ đâu được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Nhu quạ được bày trẻ,²
Thả bay rồi kéo lại?

[Thế Tôn:]

Tham dục và sân hận,
Do nhân này sanh khởi.
Bất mãn và thỏa mãn,
Sợ hãi từ đây sanh.
Từ đây được khởi lên,
Các tư tưởng, tư duy,
Nhu quạ được bày trẻ,
Thả bay rồi kéo lại.
Chính do tham ái sanh,
Chính do tự ngã sanh,
Nhu cây Nigrodha (cây Bàng),
Rễ từ thân cây sanh.
Phàm phu bám ác dục,
Nhu dây leo khắp rừng.
Những ai hiểu biết được,
Do nhân ấy sanh khởi,
Họ diệt trừ nhân ấy.
Hãy nghe, này dạ-xoa,
Họ vượt bực lưu này,
Bực lưu thật khó vượt,
Từ trước chưa vượt qua,
Không còn phải tái sanh.

IV. KINH MAÑIBHADDĀ (*Mañibhaddasutta*) (S. I. 208)

238. Một thời, Thế Tôn trú giữa dân chúng Magadha, tại điện thờ Mañimālaka, tại một trú xứ của dạ-xoa Mañibhadda.

² Ngài Buddhaghosa giải thích ví dụ này như sau: Mấy đứa trẻ cột một đầu dây vào chân con quạ, một đầu dây cột vào ngón tay của chúng, khi con quạ bay lên thì chúng kéo giật lại; cũng vậy, tâm bất thiện do tự tâm chúng ta khởi lên, lại cũng được tâm thức của chúng ta điều phục lại.

Rồi dạ-xoa Mañibhadda đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

Lành thay, thường chánh niệm!
 Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
 Có niệm, mai đẹp hơn,
 Hận thù được giải thoát.

[Thế Tôn:]

Lành thay, thường chánh niệm!
 Nhờ niệm, lạc tăng trưởng,
 Có niệm, mai đẹp hơn,
 Hận thù chưa giải thoát.
 Với ai trọn ngày đêm,
 Tâm ý lạc, bất hại,
 Từ tâm mọi hữu tình,
 Vị ấy không thù hận.

V. KINH SĀNU (*Sānusutta*) (S. I. 209)

239. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatti, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bấy giờ, Sānu, con trai một nữ cư sĩ, bị dạ-xoa ám ảnh.

Nữ cư sĩ ấy than khóc, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Ngày mười bốn, mười lăm,
 Và mừng tám nửa tháng,
 Cả ngày lễ đặc biệt,
 Khéo tu tám trai giới,
 Tuân trì lễ Bố-tát,
 Những ai sống Phạm hạnh,
 Dạ-xoa không ám ảnh.
 Và chính ta được nghe,
 Vị La-hán nói vậy.
 Nay ta thấy Sānu,
 Bị dạ-xoa ám ảnh.

[Dạ-xoa trong thân Sānu:]

Ngày mười bốn, mười lăm,
 Và mừng tám nửa tháng,
 Cả ngày lễ đặc biệt,
 Khéo tu tám trai giới,
 Tuân trì lễ Bố-tát,
 Những ai sống Phạm hạnh,
 Dạ-xoa không ám ảnh.
 Điều này người được nghe,
 La-hán nói là đúng.

Người nói với Sānu,
 Có trí và sáng suốt,
 Đây là lời dạ-xoa:
 Chớ có làm điều ác,
 Công khai hay bí mật;
 Nếu người làm điều ác,
 Sẽ làm hay đang làm,
 Ông không thoát khổ đau,
 Dầu có đứng lên chạy,
 Chạy một mạch, chạy dài.

[Sānu được khỏi ám ảnh:]

Nay mẹ, người ta khóc,
 Là khóc cho người chết,
 Hay khóc cho người sống,
 Nhưng không được thấy mặt.
 Nay mẹ, người thấy con,
 Hiện có mặt, đang sống,
 Vậy sao mẹ khóc con,
 Nay người mẹ thân yêu?

[Bà mẹ:]

Người ta khóc cho con,
 Là khóc khi con chết,
 Hay khóc khi con sống,
 Nhưng không được thấy mặt.
 Ai đã bỏ dục vọng,
 Lại trở lui đời này,
 Nay con, người ta khóc,
 Là khóc cho người ấy,
 Vì người ấy được xem,
 Còn sống cũng như chết.

Nay con được kéo ra,
 Khỏi than hừng đỏ rực,
 Con còn muốn rơi vào,
 Đồng than hồng ấy chăng?
 Nay con được thoát ra,
 Khỏi địa ngục đau khổ,
 Con còn muốn rơi vào,
 Cõi địa ngục ấy chăng?

Hãy rong ruổi đời con,
 Ta chúc con hạnh phúc;

Hãy sống như thế nào,
 Không làm ai bức phiền!
 Đồ vật thoát lửa cháy,
 Con muốn đốt lại chẳng?

VI. KINH PIYAÑKARA (*Piyañkarasutta*) (S. I. 209)

240. Một thời, Tôn giả Anuruddha trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bảy giờ, Tôn giả Anuruddha thức dậy khi đêm vừa mới sáng, đang tụng đọc pháp cú.

Một nữ dạ-xoa, mẹ của Piyañkara, dỗ cho con nín như sau:

Này Piyañkara,
 Chớ có sanh tiếng động!
 Vị Tỷ-kheo đang tụng,
 Những lời về pháp cú.
 Nếu chúng ta biết được,
 Học được pháp cú này,
 Rồi như pháp hành trì,
 Chúng ta được lợi ích.
 Không sát hại sanh vật,
 Không cố ý nói láo,
 Tự học tập giới luật,
 Chúng ta thoát nợ quý.

VII. KINH PUNABBASU (*Punabbasusutta*) (S. I. 209)

241. Một thời, Thế Tôn trú ở Sāvatthi, Jetavana, tại vườn ông Anāthapiṇḍika.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đang thuyết pháp cho chúng Tỷ-kheo về vấn đề liên hệ đến Niết-bàn, tuyên thuyết, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Và các Tỷ-kheo ấy chú tâm, chú ý, tập trung mọi tâm tư, lắng tai nghe pháp.

Rồi một nữ dạ-xoa, mẹ Punabbasu, dỗ các con nín như sau:

Hãy gìn giữ im lặng,
 Này Uttarika!
 Hãy gìn giữ im lặng,
 Này Punabbasu!
 Để mẹ được nghe pháp,
 Đạo Sư, Tối Thượng Phật.
 Thế Tôn giảng Niết-bàn,
 Thoát ly mọi triền phược,
 Mẹ đối với pháp ấy,
 Thật cực kỳ ái lạc.

Đời ái lạc con mình,
 Đời ái lạc chồng mình,
 Nhưng đối với đạo pháp,
 Mẹ ái lạc nhiều hơn.

Con hay chồng dầu thân,
 Không cứu ta thoát khổ,
 Không như nghe Diệu pháp,
 Chúng sanh được thoát khổ.

Trong đau khổ đời sau,
 Dính liền già và chết,
 Chánh pháp Ngài giác ngộ,
 Giải thoát khỏi già chết.
 Mẹ muốn nghe pháp ấy,
 Hãy nín đi con ơi!
 Này Punabbasu.

[Punabbasu:]

Thưa mẹ, con không nói,
 Uttarā nín lặng.
 Mẹ hãy lắng nghe pháp,
 Nghe pháp được an lạc,
 Vì không biết Diệu pháp,
 Chúng ta trôi sanh tử.
 Giữa nhân, thiên mù quáng,
 Ngài đem cho ánh sáng,
 Giác ngộ, thân tối hậu,
 Bạc Pháp Nhãn thuyết pháp.

[Bà mẹ:]

Hữu trí thay, con ta!
 Con ta sanh ẵm ngực.
 Nay con ta ái lạc,
 Tịnh pháp Vô Thượng Phật.
 Này Punabbasu,
 Hãy sống chơn an lạc!
 Nay ta được sống lại,
 Thấy được chơn Thánh đế.
 Này con Uttarā,
 Hãy nghe theo lời ta!

VIII. KINH SUDATTA (*Sudattasutta*) (S. I. 210)

242. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại rừng Sīta.

Lúc bấy giờ, cư sĩ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã đến Rājagaha để làm một vài công việc.

Cư sĩ Anāthapiṇḍika được nghe đức Phật đã ra đời và muốn đến yết kiến Thế Tôn.

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika suy nghĩ: “Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn. Ngày mai mới phải thời ta đến yết kiến Thế Tôn.” Như vậy với ý nghĩ đi yết kiến đức Phật, ông Anāthapiṇḍika nằm ngủ. Trong đêm, ông ấy thức dậy ba lần, tưởng rằng trời đã sáng.

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika đi đến cửa nghĩa địa (*sīvathika*), và có những phi nhân mở cửa.

Và khi ông ra khỏi thành phố, ánh sáng biến mất và bóng tối hiện ra. Ông sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược và muốn đi trở về.

Rồi dạ-xoa Sīvaka ẩn hình, lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thôi bước!

Rồi với Anāthapiṇḍika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra, và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu hẳn xuống.

Lần thứ hai... (như trên)...

Lần thứ ba, với Anāthapiṇḍika, ánh sáng biến mất, bóng tối hiện ra, và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược khởi lên. Và Anāthapiṇḍika muốn trở lui. Lần thứ ba, dạ-xoa Sīvaka ẩn hình lên tiếng như sau:

Trăm voi và trăm ngựa,
Trăm xe do ngựa kéo,
Cả trăm ngàn thiếu nữ,
Được trang sức bông tai,
Không bằng phần mười sáu,
Một bước đi tới này.
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Cư sĩ, hãy tiến tới!
Tiến tới, tốt đẹp hơn,
Chớ có lui, thôi bước!

Rồi với Anāthapiṇḍika, bóng tối biến mất, ánh sáng hiện ra và sợ hãi, hoảng hốt, lông tóc dựng ngược đã khởi lên được dịu bớt.

Rồi Anāthapiṇḍika đi đến rừng Sīta, đi đến Thế Tôn.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thức dậy vào lúc đêm vừa mãn và đang đi kinh hành ngoài trời.

Thế Tôn thấy Anāthapiṇḍika từ xa đi đến; khi thấy vậy, từ chỗ kinh hành đi xuống và ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với cư sĩ Anāthapiṇḍika:

– Hãy đến đây, Sudatta!

Rồi cư sĩ Anāthapiṇḍika nghĩ: “Thế Tôn kêu tên ta”, rồi cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn ngủ có an lạc chăng?

[Thế Tôn:]

Bà-la-môn tịch tịnh,
Luôn luôn ngủ an lạc,
Không đèo bông dục vọng,
Thanh lương, không sanh y,
Mọi ái trước đoạn diệt,
Tâm khổ não điều phục,
Tịch tịnh, ngủ an lạc,
Tâm tư đạt hòa bình.

IX. KINH SUKKĀ THỨ NHẤT (*Paṭhamasukkāṣutta*) (S. I. 212)

243. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, Tỷ-kheo-ni Sukkā có đại chúng doanh vậy, đang thuyết pháp.

Rồi một dạ-xoa có lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkā, đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã tư này đến ngã tư khác ở Rājagaha, và ngay lúc ấy nói lên những bài kệ này:

Này người Vương Xá thành,
Các người đã làm gì,
Mà nay lại nằm dài,
N như say vì rượu ngọt,
Không hầu hạ Sukkā,
Đang thuyết pháp bất tử.
Pháp ấy không trở lui,³
Cam lồ không lưng voi.⁴

³ *Chú giải:* Vì quá đầy đủ nên không phải đi trở lui để uống lại.

⁴ *Chú giải:* Cam lồ tự tạo ra, không cần dùng vật ở ngoài.

Ta nghĩ người trí tuệ,
 Uống nước [cam lồ] ấy,
 Chẳng khác một đám mưa,
 Đối với kẻ lữ hành.

X. KINH SUKKĀ THỨ HAI (*Dutiyasukkāṣutta*) (S. I. 212)

244. Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha, tại Veḷuvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một người cư sĩ đang cúng dường đồ ăn cho Tỷ-kheo-ni Sukkā.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Sukkā, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, đi từ ngã ba này đến ngã ba khác ở Rājagaha, và ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
 Chắc hưởng nhiều công đức,
 Đã cúng dường món ăn,
 Dâng cúng lên Sukkā,
 Một vị đã giải thoát,
 Tất cả mọi triền phược.

XI. KINH CĪRĀ (*Cīrāsutta*) (S. I. 213)

245. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veḷuvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Lúc bấy giờ, một cư sĩ dâng y cúng dường Tỷ-kheo-ni Cīrā.

Rồi một dạ-xoa khởi lòng tịnh tín đối với Tỷ-kheo-ni Cīrā, liền đi từ đường xe này đến đường xe khác, từ ngã ba này đến ngã ba khác tại thành Vương Xá, ngay lúc ấy nói lên bài kệ này:

Cư sĩ có trí này,
 Chắc hưởng nhiều công đức,
 Đã cúng dường tấm y,
 Dâng cúng lên Cīrā,
 Một vị đã giải thoát,
 Tất cả mọi khổ ách.

XII. KINH ĀḶAVIKA (*Āḷavakasutta*) (S. I. 213)

246. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Āḷavī, tại trú xứ của dạ-xoa Āḷavaka.

Rồi dạ-xoa Āḷavaka đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến liền nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ hai, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ ba, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi ra.

– Này Sa-môn, hãy đi vào!

– Lành thay, Hiền giả!

Thế Tôn nói và đi vào.

Lần thứ tư, dạ-xoa Ālavaka nói với Thế Tôn:

– Này Sa-môn, hãy đi ra!

– Này Hiền giả, Ta không đi ra! Hãy làm gì ông nghĩ là phải làm!

– Này Sa-môn, ta sẽ hỏi ông một câu hỏi. Nếu ông không trả lời ta được, ta sẽ làm tâm ông điên loạn; hay ta làm ông bể tim; hay nắm lấy chân, ta sẽ quăng ông qua bờ bên kia sông Hằng.

– Này Hiền giả, Ta không thấy một ai ở thế giới chư Thiên, Ma giới hay Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư thiên và loài người có thể làm tâm Ta điên loạn; hay làm bể tim Ta; hay nắm lấy chân, quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, hãy hỏi đi như ông muốn.

[Dạ-xoa:]

Cái gì đối người đời,

Là tài sản tối thượng?

Cái gì khéo hành trì,

Đem lại chơn an lạc?

Cái gì giữa các vị,

Là vị ngọt tối thượng?

Phải sống như thế nào,

Được gọi sống tối thượng?

[Thế Tôn:]

Lòng tin đối người đời,
Là tài sản tối thượng.
Chánh pháp khéo hành trì,
Đem lại chơn an lạc.
Chân lý giữa các vị,
Là vị ngọt tối thượng.
Phải sống với trí tuệ,
Được gọi sống tối thượng.

[Dạ-xoa:]

Làm sao vượt bực lưu?
Làm sao vượt biển lớn?
Làm sao siêu khổ não?
Làm sao được thanh tịnh?

[Thế Tôn:]

Với tín, vượt bực lưu.
Không phóng dật, vượt biển.
Tinh tấn, siêu khổ não.
Với trí, được thanh tịnh.

[Dạ-xoa:]

Làm sao được trí tuệ?
Làm sao được tài sản?
Làm sao đạt danh xưng?
Làm sao kết bạn hữu?
Đời này qua đời khác,
Làm sao không sầu khổ?

[Thế Tôn:]

Ai tin tưởng Chánh pháp
Của bậc A-la-hán,
Pháp ấy khiến đạt được,
Niết-bàn (chơn an lạc),
Khéo học, không phóng dật,
Minh nhãn khéo phân biệt,
Nhờ hành trì như vậy,
Vị ấy được trí tuệ.
Làm gì khéo thích hợp,
Gánh vác các trách nhiệm,
Phấn chấn, thích hoạt động,
Như vậy được tài sản.
Chơn thật đạt danh xưng.

Bồ thí kết bạn hữu,
 Đời này qua đời khác,
 Như vậy không sâu khổ.
 Tín nam gia chủ nào,
 Tìm cầu bốn pháp này,
 Chơn thực và chế ngự,
 Kiên trì và xả thí,
 Vị ấy sau khi chết,
 Không còn phải sâu khổ,
 Đời này qua đời khác,
 Sau chết, không sâu khổ.
 Ta muốn ông đến hỏi,
 Sa-môn, Bà-la-môn,
 Có những pháp nào khác,
 Tốt hơn bốn pháp này:
 Chơn thực và chế ngự,
 Xả thí và kham nhẫn.

[Dạ-xoa:]

Làm sao nay ta hỏi,
 Sa-môn, Bà-la-môn,
 Khi nay ta được biết,
 Nguyên nhân của đời sau.
 Phật đến Ālavī,
 Thật lợi ích cho ta.
 Nay ta được biết rõ,
 Cho gì được quả lớn,
 Nên ta sẽ bộ hành,
 Làng này qua làng khác,
 Thành này qua thành khác,
 Đánh lễ Phật Chánh Giác,
 Cùng đánh lễ Chánh pháp,
 Các vị chứng Pháp tánh.

